

Số: /TB-STNMT

Đồng Tháp, ngày tháng 11 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc tư vấn định giá đất cụ thể dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn 1 (đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Tháp)

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư 61/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020-2024);

Căn cứ Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2020 - 2024);

Căn cứ Quyết định số 769/2022/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn 1,

Để thực hiện xác định giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền bồi thường, thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn 1 (đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Tháp). Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo đến các đơn vị có chức năng định giá đất cụ thể, có nhu cầu tham dự thầu gửi 01 bộ hồ sơ năng lực và thông báo chào phí có chữ ký, đóng dấu của đơn vị vào bao thư niêm phong về Sở Tài nguyên và Môi trường đến trước **ngày 02 tháng 12 năm 2022**.

Thông tin cần xác định giá đất: Quyền sử dụng các loại đất thuộc phạm vi ranh giải phóng mặt bằng của dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn 1 (đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Tháp):

- Diện tích đất cần định giá: **119,45 ha**, tọa lạc các xã Nhị Mỹ, Mỹ Thọ, Mỹ Hội, Bình Hàng Trung, Bình Hàng Tây, Tân Hội Trung, Mỹ Long, Mỹ Hiệp, huyện Cao Lãnh và xã Thanh Mỹ, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Vị trí, loại đất cần định giá cụ thể: kèm theo Phụ lục.

- Mục đích định giá đất: Xác định giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền bồi thường, thu hồi đất.

- Thời điểm thẩm định giá: Tháng 12 năm 2022.

Trên đây là Thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến các đơn vị biết có nhu cầu thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Sở (biết);
- Trang thông tin điện tử Sở (đăng tin);
- Văn phòng (thực hiện);
- Trung tâm Phát triển quỹ đất (thực hiện);
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Hồ Thanh Phương

Phụ lục
Loại đất, vị trí cần định giá
(Kèm theo Thông báo số /TB-STNMT ngày tháng 11 năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

TT	Loại đất xác định giá	Khu vực, loại lộ, vị trí
I	HUYỆN CAO LÃNH	
1	Đất ONT khu vực 2	
1.1	Trong phạm vi 50m tiếp giáp ĐT.847 (Mỹ Thọ - đường Thét)	LL1, VT1
1.2	Trong phạm vi 50m tiếp giáp ĐT.850 (Đoạn Mỹ Long - Xẻo Quýt (hết khu di tích Xẻo Quýt))	LL1, VT1
1.3	Trong phạm vi 50m tiếp giáp Đường Mỹ Thọ - Tân Hội Trung - Láng Biền (đoạn còn lại (xã Tân Hội Trung, xã Mỹ Thọ)	LL4, VT1
1.4	Trong phạm vi 50m tiếp giáp Lộ nhựa kênh Hội đồng Tường	LL4, VT1
1.5	Trong phạm vi 50m tiếp giáp lộ Ngã Bát - Kiểm Điền	LL4, VT1
1.6	Trong phạm vi 50m tiếp giáp lộ nhựa trên địa bàn xã Bình Hàng Tây (lộ $\geq 3m$)	LL3, VT1
2	Đất ONT khu vực 3	
2.1	Trong phạm vi 50m tiếp giáp đường nhựa, đường bê tông, đường xi măng	VT1
2.2	Trong phạm vi 50m tiếp giáp đường đá chưa hoàn chỉnh, đường đất	VT1, VT2
3	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	
3.1	Trong phạm vi 50m tiếp giáp ĐT.847 (Mỹ Thọ - đường Thét)	KV1-VT1
3.2	Trong phạm vi 50m tiếp giáp ĐT.850 (Đoạn Mỹ Long - Xẻo Quýt (hết khu di tích Xẻo Quýt))	KV1-VT1
3.3	Trong phạm vi 50m tiếp giáp Đường Mỹ Thọ - Tân Hội Trung - Láng Biền (đoạn còn lại (xã Tân Hội Trung, xã Mỹ Thọ))	KV1-VT2
3.4	Trong phạm vi 50m tiếp giáp Lộ nhựa kênh Hội đồng Tường	KV1-VT2
3.5	Trong phạm vi 50m tiếp giáp Lộ Ngã Bát - cầu Kiểm Điền	KV1-VT2
3.6	Trong phạm vi 50m tiếp giáp Lộ nhựa áp 3, lộ nhựa trên địa bàn xã Bình Hàng Tây (mặt lộ $\geq 3m$)	KV1-VT2
3.7	Trong phạm vi 50m tiếp giáp đường nhựa (bờ Đông) Sông Cái Bèo xã Bình Hàng Trung	KV1-VT2

TT	Loại đất xác định giá	Khu vực, loại lộ, vị trí
3.8	Trong phạm vi 50m tiếp giáp đường nhựa Kênh Xáng (Rạch Chùa) xã Bình Hàng Trung	KV1-VT2
3.9	Trong phạm vi 50m tiếp giáp đường nhựa, đường bê tông, đường xi măng	KV1-VT2
3.10	Trong phạm vi 50m tiếp giáp đường đá chưa hoàn chỉnh, đường đất	KV1-VT2
3.11	Vị trí còn lại (ngoài phạm vi 50m và thửa đất không tiếp giáp đường)	KV1-VT1, VT2 và VT3
4	Đất trồng cây hàng năm, đất chuyên trồng lúa nước, đất nuôi trồng thủy sản	
4.1	Trong phạm vi 50m tiếp giáp ĐT.847 (Mỹ Thọ - đường Thét)	KV1-VT1
4.2	Trong phạm vi 50m tiếp giáp ĐT.850 (Đoạn Mỹ Long - Xẻo Quýt (hết khu di tích Xẻo Quýt))	KV1-VT1
4.3	Trong phạm vi 50m tiếp giáp Đường Mỹ Thọ - Tân Hội Trung - Láng Biền (đoạn còn lại (xã Tân Hội Trung, xã Mỹ Thọ))	KV1-VT2
4.4	Trong phạm vi 50m tiếp giáp Lộ nhựa kênh Hội đồng Tường	KV1-VT2
4.5	Trong phạm vi 50m tiếp giáp Lộ Ngã Bát - cầu Kiểm Điền (cả 02 bờ)	KV1-VT2
4.6	Trong phạm vi 50m tiếp giáp Lộ nhựa áp 3, lộ nhựa trên địa bàn xã Bình Hàng Tây (mặt lộ $\geq 3m$)	KV1-VT2
4.7	Trong phạm vi 50m tiếp giáp đường nhựa (bờ Đông) Sông Cái Bèo xã Bình Hàng Trung	KV1-VT2
4.8	Trong phạm vi 50m tiếp giáp đường nhựa Kênh Xáng (Rạch Chùa) xã Bình Hàng Trung	KV1-VT2
4.9	Trong phạm vi 50m tiếp giáp đường nhựa, đường bê tông, đường xi măng	KV1-VT2
4.10	Trong phạm vi 50m tiếp giáp đường đá chưa hoàn chỉnh, đường đất	KV1-VT2
4.11	Vị trí còn lại (ngoài phạm vi 50m và thửa đất không tiếp giáp đường)	KV1-VT1, VT2 và VT3
5	Đất thương mại dịch vụ	
6	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ	
II	HUYỆN THÁP MÙƠI	
1	Đất ONT khu vực 3	
1.1	Trong phạm vi 50m tiếp giáp đường nhựa, đường bê tông, đường xi măng	VT1

TT	Loại đất xác định giá	Khu vực, loại lộ, vị trí
1.2	Trong phạm vi 50m tiếp giáp đường đá chưa hoàn chỉnh, đường đất	VT1, VT2
2	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	
2.1	Trong phạm vi 50m tiếp giáp đường nhựa, đường bê tông, đường xi măng	KV1-VT2
2.2	Trong phạm vi 50m tiếp giáp đường đá chưa hoàn chỉnh, đường đất	KV1-VT2
2.3	Vị trí còn lại (ngoài phạm vi 50m và thửa đất không tiếp giáp đường)	KV1-VT2, VT3
3	Đất trồng cây hàng năm, đất chuyên trồng lúa nước, đất nuôi trồng thủy sản	
3.1	Trong phạm vi 50m tiếp giáp đường nhựa, đường bê tông, đường xi măng	KV1-VT2
3.2	Trong phạm vi 50m tiếp giáp đường đá chưa hoàn chỉnh, đường đất	KV1-VT2
3.3	Vị trí còn lại (ngoài phạm vi 50m và thửa đất không tiếp giáp đường)	KV1- VT2, VT3
4	Đất thương mại dịch vụ	
5	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ	